

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV**  
**THƯ VIỆN TRƯỜNG**

**DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

| STT | TÊN HỌC PHẦN             | GIẢNG VIÊN       | LOẠI TL | TÀI LIỆU HỌC TẬP - THAM KHẢO                                                                                                                                                                                         | MÔN LOẠI          | KHO                    | SỐ BẢN | GHI CHÚ SỐ HÓA | ĐKCB/ISBN |
|-----|--------------------------|------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------|----------------|-----------|
| 1   | Môi trường học đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | GT      | Khoa học môi trường / Lê Văn Khoa chủ biên ; Hoàng Xuân Cơ... [và những người khác]. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 362 tr. ; 27 cm.                                                                                   | 333.7 KH401H 2008 | 2                      | 1      | C              | VLa6113   |
| 2   | Môi trường học đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | GT      | Living in the environment : principles, connections, and solutions / G. Tyler Miller ; Scott Spoolman contributing editor. - Belmont, CA : Thomson Brooks/Cole, 2007. - xxiv, 628 p. : col. ill., col. maps ; 29 cm. | 363.7 M6471G 2007 | TVTT-Kho Sách (Tầng 2) | 3      | CR             | 100049202 |
| 3   | Môi trường học đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK      | Con người và môi trường / Hoàng Hưng, Nguyễn Thị Kim Loan. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005. - 404 tr. ; 21 cm.                                                                      | 363.7 C430N 2005  | 1,2,3,5                | 10     | C              | 3VVa17327 |
| 4   | Môi trường học đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK      | Cơ sở khoa học môi trường / Lưu Đức Hải. - Hà Nội : Đại học quốc gia, 2001. - 232 tr. ; 20 cm.                                                                                                                       | 363.7 C460S 2001  | 1,2,3,4                | 5      | CR             | 3VVa10594 |
| 5   | Môi trường học đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | web     | Bộ TNMT:<br><a href="https://monre.gov.vn/">https://monre.gov.vn/</a>                                                                                                                                                |                   |                        |        | C              |           |

|    |                          |                   |     |                                                                                                                                                                             |                    |                            |   |   |          |
|----|--------------------------|-------------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|---|---|----------|
| 6  | Môi trường học đại cương | TS. Lê Thanh Hòa  | web | Chương trình MT của LHQ:<br><a href="http://www.unep.org/">http://www.unep.org/</a>                                                                                         |                    |                            |   | C |          |
| 7  | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên    | TS. Phạm Gia Trân | GT  | Giáo trình khoa học trái đất / Lưu Đức Hải, Trần Nghi. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 315 tr. ; 24 cm.                                                                        | 550 LU- H          | HCMUS -NVC- Phòng Lưu hành | 9 | C | 00042894 |
| 8  | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên    | TS. Phạm Gia Trân | TK  | Cơ sở địa lý tự nhiên. T.1 / Lê Bá Thảo, Nguyễn Văn Âu, Đỗ Hùng Thành. - H: Giáo dục, 1987. - 208tr., 1 tờ đính : minh họa ; 27cm.                                          |                    | Kho 7                      | 2 | C | VV 6208  |
| 9  | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên    | TS. Phạm Gia Trân | TK  | Cơ sở địa lý tự nhiên : sách dùng cho các trường đại học sư phạm. T.3 / Lê Bá Thảo, Nguyễn Dược, Đặng Ngọc Lân. - H. : Giáo dục, 1984. - 175tr. : minh họa ; 27cm           |                    | Kho 7                      | 2 | C | VV 4943  |
| 10 | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên    | TS. Phạm Gia Trân | TK  | Địa lý tự nhiên đại cương. T.1, Trái đất và thạch quyển / Nguyễn Trọng Hiếu chủ biên ; Phùng Ngọc Đĩnh. - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2014. - 238 tr. ; 24 cm.                | 915 Đ301L T.1-2014 | 1,2,3,4                    | 8 | C | VVa72923 |
| 11 | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên    | TS. Phạm Gia Trân | TK  | Địa lý tự nhiên đại cương. T.2, Khí quyển và thủy quyển / Hoàng Ngọc Oanh chủ biên ; Nguyễn Văn Âu, Lê Thị Ngọc Khanh. - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2014. - 234 tr. ; 24 cm. | 915 Đ301L T.2-2014 | 1,2,3,4                    | 8 | C | VVa72919 |

|    |                       |                   |    |                                                                                                                                                                                                                                                            |                           |         |   |    |           |
|----|-----------------------|-------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---|----|-----------|
| 12 | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên | TS. Phạm Gia Trân | TK | Địa lý tự nhiên đại cương. T.3, Thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lí của trái đất / Nguyễn Kim Chương chủ biên ; Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung. - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2014. - 234 tr. ; 24 cm. | 915<br>Đ301L T.3-2014     | 1,2,3,4 | 4 | C  | VVa72927  |
| 13 | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên | TS. Phạm Gia Trân | TK | Cơ sở địa lý tự nhiên / Nguyễn Vi Dân (Biên soạn). - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. - 243 tr. ; 24 cm.                                                                                                                                            | 551.0711<br>C460S<br>2005 | 1,2,3,4 | 5 | C  | 3VVa23340 |
| 14 | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên | TS. Phạm Gia Trân | TK | Địa lý tự nhiên đại cương : sách dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng sư phạm. T.1 / L.P. Subaev ; Đào Trọng Năng, Trịnh Nghĩa Uông dịch. - Hà Nội : Giáo dục, 1981. - 83 tr. ; 29 cm.                                                                  | 910<br>Đ301L T.1-1981     | 1       | 1 | C  | VLa5656   |
| 15 | Cơ sở Địa Lý Tự Nhiên | TS. Phạm Gia Trân | TK | Địa lí tự nhiên đại cương : sách dùng cho các trường Đại học sư phạm và Cao đẳng sư phạm. T.2 / L.P. Subaev ; Đào Trọng Năng, Trịnh Nghĩa Uông dịch. - Hà Nội : Giáo dục, 1981. - 119 tr. ; 29 cm.                                                         | 915<br>Đ301L T.2-1981     | 1       | 1 | CR | VLa5653   |
| 16 | Bản đồ-GIS đại cương  | TS. Lê Thanh Hòa  | GT | Bài giảng điện tử của GV                                                                                                                                                                                                                                   |                           |         |   | C  |           |

|    |                      |                  |    |                                                                                                                                                                                     |                            |                                       |   |    |           |
|----|----------------------|------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---|----|-----------|
| 17 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | ArcView GIS, the Geographic Information System for everyone. - Redlands, Calif : Environmental Systems Research Institute, 1996. - 340 p. ; 23 cm.                                  | 910.285<br>A675 1996       | 2                                     | 1 | C  | AV17167   |
| 18 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Bản đồ học đại cương / Lâm Quang Dốc ... [và những người khác]. - Hà Nội : Đại học sư phạm Hà Nội, 2010. - 255 tr. ; 24 cm.                                                         | 526<br>B212D<br>2010       | TVTT-<br>Kho<br>Sách<br>(Tầng 3), KTX | 4 | CR | 100047659 |
| 19 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Viễn thám / Lê Văn Trung. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2005. - 405 tr. ; 24 cm.                                                                            | 621.3678<br>L4331T<br>2005 | TVTT-<br>Kho<br>Sách<br>(Tầng 3)      | 4 | CR | 910000215 |
| 20 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Fundamentals of geographic information systems / Michael N. DeMers. - Hoboken, NJ : Wiley, c2009. - xiii, 443 p. : ill. ; 26 cm.                                                    | 910.285<br>F981 2009       | 2                                     | 1 | C  | AV17064   |
| 21 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Những kiến thức cơ bản về GIS và ứng dụng GIS trong quy hoạch xây dựng đô thị / Nguyễn Bá Quảng chủ biên, Phạm Khánh Toàn. - Hà Nội : Xây dựng, 2011. - 152 tr. : minh họa ; 27 cm. | 690.0285<br>N5764Q<br>2011 | TVTT-<br>Kho<br>Sách<br>(Tầng 3)      | 2 | C  | 100059682 |

|    |                      |                  |    |                                                                                                                                                                                               |                       |                                  |   |    |           |
|----|----------------------|------------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|---|----|-----------|
| 22 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Geographic information science & systems / Paul A. Longley, Michael F. Goodchild, David J. Maguire, David W. Rhind. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, [2015]. - xvi, 477 p. ; 28 cm. | 910.285<br>G345 2015  | 2                                | 1 | C  | AL3224    |
| 23 | Bản đồ-GIS đại cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK | GIS căn bản / Trần Trọng Đức. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010. - 200 tr. : minh họa ; 23 cm.                                                                       | 363.7<br>G00-I 2010   | 2                                | 1 | C  | VVa68814  |
| 24 | Viễn thám đại cương  | TS. Lê Thanh Hòa | GT | Bài giảng điện tử                                                                                                                                                                             |                       |                                  |   | C  |           |
| 25 | Viễn thám đại cương  | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Remote sensing : principles and interpretation / Floyd F. Sabins. - Long Grove, Ill. : Waveland press, 2007. - xii, 494 p. ; 29 cm.                                                           | 621.3678<br>R389 2007 | 2                                | 1 | C  | AL3087    |
| 26 | Viễn thám đại cương  | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Viễn Thám đại cương : bài giảng Điện tử / Lê Thanh Hòa. - ĐHKHXHNV, 2007.                                                                                                                     |                       |                                  |   | C  |           |
| 27 | Viễn thám đại cương  | TS. Lê Thanh Hòa | TK | Viễn thám / Lê Văn Trung. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010. - 405 tr. ; 24 cm.                                                                                      | 621.3678<br>L4331T    | TVTT-<br>Kho<br>Sách<br>(Tầng 3) | 4 | CR | 910001489 |

|    |                        |                  |     |                                                                                                                                                                                                                        |                       |                           |   |   |            |
|----|------------------------|------------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|---|---|------------|
| 28 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK  | Remote sensing, models, and<br>methods for image processing /<br>Robert A. Schowengerdt. -<br>Burlington, MA : Academic<br>Press, c2007. - 515 p. : ill.<br>(some col.) ; 25 cm.                                       | 621.3678<br>R389 2007 | 1                         | 1 | C | AV17680    |
| 29 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK  | Remote sensing and image<br>interpretation / Thomas M.<br>Lillesand, Ralph W. Kiefer,<br>Jonathan W. Chipman. -<br>Hoboken, N.J. : John Wiley &<br>Sons, Inc., [2015]. - xii, 720 p. :<br>color illustrations ; 23 cm. | 621.3678<br>R389      | 2                         | 1 | C | AV17065    |
| 30 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | TK  | Viễn thám trong nghiên cứu tài<br>nguyên và môi trường / Nguyễn<br>Ngọc Thạch. - Hà Nội : Khoa<br>học và kỹ thuật, 1996. - 214 tr.<br>; 27 cm.                                                                         | 526.982<br>NG-T       | HCMUT<br>-CS2-<br>Nội văn | 4 | C | 3043282002 |
| 31 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | WEB | POT IMAGE:<br><a href="http://www.spotimage.fr/">http://www.spotimage.fr/</a>                                                                                                                                          |                       |                           |   | C |            |
| 32 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | WEB | Airborne Laser Mapping;<br><a href="http://www.airbornelasermapping.com/ALMNews.html">http://www.airbornelasermapping.com/ALMNews.html</a>                                                                             |                       |                           |   | C |            |
| 33 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | WEB | Canada Center for Remote<br>Sensing;<br><a href="http://www.ccrs.nrcan.gc.ca">http://www.ccrs.nrcan.gc.ca</a>                                                                                                          |                       |                           |   | C |            |
| 34 | Viễn thám đại<br>cương | TS. Lê Thanh Hòa | WEB | Landsat 7;<br><a href="http://landsat.gsfc.nasa.gov/">http://landsat.gsfc.nasa.gov/</a>                                                                                                                                |                       |                           |   | C |            |

|    |                 |                 |    |                                                                                                                                                                                                      |                |                                   |   |    |             |
|----|-----------------|-----------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------|---|----|-------------|
| 35 | Tài nguyên rừng | TS. Lê Đức Tuấn | GT | Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam : nghiên cứu trường hợp khu vực - thảm thực vật / Thái Văn Trung. - Hà Nội : Khoa học Kỹ thuật, 1998. - 298 tr. ; 27 cm.                                | 577<br>NH556H  | 1,2                               | 2 | CR | 1VLa243     |
| 36 | Tài nguyên rừng | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Sách đỏ Việt Nam : Vietnam red data book. P.1, Animals. P.1, Phần động vật / Đặng Ngọc Thanh ... [và những người khác] biên tập. - Hà Nội : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007. - 515 tr. ; 27 cm. | 590<br>S1211D  | TVTT-<br>Kho<br>Sách<br>(Tầng 3), | 3 | C  | 100041124   |
| 37 | Tài nguyên rừng | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Sách đỏ Việt Nam : Vietnam red data book. P.2, Plants. P.2, Phần Thực vật / Nguyễn Tiến Bản ... [và những người khác] biên tập. - Hà Nội : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007. - 611 tr. ; 27 cm.  | 580<br>S1211D  | TVTT-<br>Kho<br>Sách<br>(Tầng 3)  | 2 | C  | 100041125   |
| 38 | Tài nguyên rừng | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Đa dạng sinh học : nghiên cứu, bảo tồn và giá trị của đa dạng sinh học / Bruno Streit ; Phan Ba dịch. - Hà Nội : Tri Thức, 2011. - 204 tr. ; 19 cm.                                                  | 570.1<br>Đ100D | 1,2,3,4                           | 4 | C  | VNa18466    |
| 39 | Tài nguyên rừng | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Sinh thái học rừng ngập mặn. - Hà Nội : Nông Nghiệp, 1999. - 272 tr. ; 20,5 cm.                                                                                                                      |                | Kho 7                             | 2 | C  | VN 599/2000 |

|    |                        |                 |    |                                                                                                                                                                                   |                         |         |   |    |           |
|----|------------------------|-----------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---|----|-----------|
| 40 | Tài nguyên rừng        | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Tài nguyên môi trường hệ sinh thái nhân văn khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ / Lê Đức Tuấn. - TP. Hồ Chí Minh : Nông nghiệp, 2014. - 167 tr. ; 24 cm.                  | 363.7<br>T103N          | 1,2,3,4 | 5 | C  | VVa63914  |
| 41 | Địa sinh vật đại cương | TS. Lê Đức Tuấn | GT | Sinh thái học và môi trường / Nguyễn Thị Ngọc Ân. - TP. Hồ Chí Minh : Nông nghiệp, 2003. - 387 tr. ; 21 cm.                                                                       | 363.7<br>S312T 2003     | 2       | 1 | C  | VVa73999  |
| 42 | Địa sinh vật đại cương | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Sinh quyển và vị trí con người / P. Duvigneaud, M. Tanghe. - Hà Nội : Khoa học Kỹ thuật, 1978. - 259 tr. ; 21 cm.                                                                 | 333.95<br>S312Q         | 3,4     | 4 | CR | 3VV7138   |
| 43 | Địa sinh vật đại cương | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Địa lý đại cương thảm thực vật / Josef Schmithusen ; Đinh Ngọc Tru dịch. - Hà Nội : Khoa học Kỹ thuật, 1976. - 283 tr. ; 26 cm.                                                   | 580<br>Đ301L<br>1976    | 2       | 2 | C  | 4VL3795   |
| 44 | Địa sinh vật đại cương | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam : nghiên cứu trường hợp khu vực - thảm thực vật / Thái Văn Trùng. - Hà Nội : Khoa học Kỹ thuật, 1998. - 298 tr. ; 27 cm.             | 577<br>NH556H           | 1,2     | 2 | CR | 1VL243    |
| 45 | Địa sinh vật đại cương | TS. Lê Đức Tuấn | TK | Living in the environment : principles, connections, and solutions / G. Tyler Miller ; Scott Spoolman contributing editor. - Belmont, CA : Thomson Brooks/Cole, 2007. - xxiv, 628 | 363.7<br>M6471G<br>2007 | Tầng 2  | 3 | C  | 100049202 |

|    |                       |                           |    |                                                                                                                                                                               |               |   |   |    |         |
|----|-----------------------|---------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---|---|----|---------|
| 46 | Cơ sở địa lý nhân văn | TS. Trương Thị Kim Chuyên | GT | Human Geography : landscapes of human activities / Jerome D. Fellmann, Arthur Getis, Judith Getis. - Boston : McGraw - Hill, 2009. - xviii, 553 p. : col. ill., maps ; 28 cm. | 304.2<br>H918 | 1 | 1 | C  | AL1497  |
| 47 | Cơ sở địa lý nhân văn | TS. Trương Thị Kim Chuyên | GT | Giáo trình Cơ sở Địa lý nhân văn (lược dịch)/ Trương Thị Kim Chuyên & nnk. - Trường Đại học KHXX&NV TPHCM. (tài liệu nội bộ)                                                  |               |   |   | C  |         |
| 48 | Cơ sở địa lý nhân văn | TS. Trương Thị Kim Chuyên | TK | Human geography / William Norton. - Ontario : Oxford University Press, 1998. - 389 p. ; 28 cm.                                                                                | 304.2<br>H918 | 1 | 1 | CR | 1AL745  |
| 49 | Cơ sở địa lý nhân văn | TS. Trương Thị Kim Chuyên | TK | The geography of the world economy / Paul Knox, John Agnew, Linda McCarthy. - London ; New York : Routledge, Taylor & Francis Group, 2014.                                    | 330.9<br>G345 | 2 | 1 | C  | AV17076 |
| 50 | Cơ sở địa lý nhân văn | TS. Trương Thị Kim Chuyên | TK | Human geography : places and regions in global context / Paul L. Knox, Sallie A. Marston. - New York : Pearson, c2009. - xxix, 578 p. ; 28 cm.                                | 304.2<br>H918 | 2 | 1 | C  | AL3101  |

|    |                                      |                           |    |                                                                                                                                                                                                   |                     |                          |    |   |           |
|----|--------------------------------------|---------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|----|---|-----------|
| 51 | Cơ sở địa lý nhân văn                | TS. Trương Thị Kim Chuyên | TK | Economic geography : a contemporary introduction / Neil M. Coe, Philip F. Kelly, Henry W.C. Yeung. - Hoboken, N.J. : Wiley - Blackwell, c2013. - xxviii, 541 p. : ill., maps (some col.) : 26 cm. | 330.9 E19           | 2                        | 1  | C | AV17074   |
| 52 | Dân số học và Địa lý dân cư          | TS. Phạm Gia Trân         | GT | Dân số học / Tổng Văn Đường, Nguyễn Đình Cử, Phạm Quý Thọ. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 122 tr. ; 19 cm.                                                                                          | 304.6 TO-Đ          | HCMU S-TD-Phòng Lưu hành | 10 | C | 70008258  |
| 53 | Dân số học và Địa lý dân cư          | TS. Phạm Gia Trân         | TK | Beginning population studies / David Lucas, Paul Meyer editors. - Canberra : Australian National University, 1980. - viii, 236 p. : ill. ; 25 cm.                                                 | 304.6 B417 1980     | 2                        | 1  | C | AV17581   |
| 54 | Dân số học và Địa lý dân cư          | TS. Phạm Gia Trân         | TK | Dân số học đại cương / Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Văn Lê. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997. - 128 tr. ; 21 cm.                                                                               | 304.6 D121S         | 1,2,3,4,6                | 6  | C | 3VVa3870  |
| 55 | Dân số học và Địa lý dân cư          | TS. Phạm Gia Trân         | TK | Dân số học / Thái Thị Ngọc Dur. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Mở bán công TP. HCM, 1998. - 176 tr. ; 21 cm.                                                                                         | 304.6 T3641D        | TVTT-Kho Sách (Tầng 2)   | 3  | C | 100041319 |
| 56 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | TS. Phạm Gia Trân         | GT | Research design explained / Mark Mitchell, Janina Joylley. - Fort Worth : Dryden Press, 1996. - 332 p. ; 28 cm.                                                                                   | 150.724 M6811M 1996 | Tầng 2                   | 1  | C | 100006620 |

|    |                                      |                   |    |                                                                                                                                                                          |                    |               |   |                   |                |
|----|--------------------------------------|-------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|---|-------------------|----------------|
| 57 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | TS. Phạm Gia Trân | TK | Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội / Nguyễn Xuân Nghĩa. - TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2004. - 285tr. ; 20cm                                                       | 300.7              | VN 3518/2006  | 2 | C                 | VT100000001894 |
| 58 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | TS. Phạm Gia Trân | TK | Research Methodology The Aims, Practices and Ethics of Science/ Peter Pruzan. - 2016                                                                                     |                    | Spinger TVTT  |   | R-Ebook           |                |
| 59 | Phân tích chính sách                 | TS. Phạm Gia Trân | GT | Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách / Lê Chi Mai. - T.P. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia T.P. Hồ Chí Minh, 2001. - 183 tr. : sơ đồ, biểu đồ ; 20 cm. | 320.6              | Kho 7, Kho 10 | 3 | C                 | VN 1860/2001   |
| 60 | Phân tích chính sách                 | TS. Phạm Gia Trân | TK | Bài giảng môn học “Program Evaluation and Policy” / Lori Snyder Benneer. - Duke University, USA, 2011.                                                                   |                    |               |   |                   |                |
| 61 | Phân tích chính sách                 | TS. Phạm Gia Trân | GT | Analyzing policy : choices, conflicts, and practices / Michael C. Munger. - New York : W.W. Norton, c2000. - xvii, 430 p. : ill. ; 24 cm.                                | 320.6<br>A532 2000 | 2             | 1 | C                 | AV17073        |
| 62 | Phân tích chính sách                 | TS. Phạm Gia Trân | TK | Are Economywide Policies good for the environmentsing / M.Munasinghe, W.Cruz and J.Warford // Finance and Development, 1993.                                             |                    |               |   | R (trích tạp chí) |                |

|    |                      |                                                      |    |                                                                                                                                                                                                                     |                        |               |   |             |         |
|----|----------------------|------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|---|-------------|---------|
| 63 | Phân tích chính sách | TS. Phạm Gia Trân                                    | TK | Tools for institutional, political, and social analysis of policy reform : a sourcebook for development practitioners. - Washington, DC : World Bank, 2007. - xviii, 267 p. : ill. ; 24 cm. + 1 CD-ROM (4 3/4 in.)  | 362.5<br>T671 2007     | 2             | 1 | CR          | AV17168 |
| 64 | Phân tích chính sách | TS. Phạm Gia Trân                                    | TK | An introduction to the policy process : theories, concepts, and models of public policy making / Thomas A. Birkland. - New York : Routledge, 2016. - xviii, 399 p. : color illustrations ; 24 cm.                   | 320.60973<br>I-61 2016 | 2             | 1 | C           | AV17075 |
| 65 | Phân tích chính sách | TS. Phạm Gia Trân                                    | TK | Public Policy Analysis – An Introduction / William N.Dunn. -Pearson/Prentice Hall, USA, 2008.                                                                                                                       |                        |               |   | C           |         |
| 66 | Phân tích rủi ro     | TS. Phạm Gia Trân; TS. Lê Thanh Hòa; TS. Lê Đức Tuấn | GT | Enterprise Risk Management Models / David L. Olson, Desheng Wu. - Springer, 2010.                                                                                                                                   |                        | Ebook-Spinger |   | R-Ebook     |         |
| 67 | Phân tích rủi ro     | TS. Phạm Gia Trân; TS. Lê Thanh Hòa; TS. Lê Đức Tuấn | TK | Bài giảng chương 6 môn học “Countries at Risk of Instabilityv : Practical Risk Assessment, Early Warning and Knowledge Management/ Cabinet Office // PMSU Background Paper. - London: The Cabinet Office, UK, 2005. |                        |               |   | R (Tập chí) |         |

### **CHÚ THÍCH: NƠI LƯU TRỮ**

**Lưu ý: Đối với nguồn tài liệu tại Thư viện Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM.**

|       |                                          |
|-------|------------------------------------------|
| Kho 0 | Kho lưu                                  |
| Kho 1 | Phòng đọc 1 – Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng    |
| Kho 2 | Phòng đọc 2 – Cơ sở 2 Linh Trung–Thủ Đức |
| Kho 3 | Phòng mượn – Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng     |
| Kho 4 | Phòng mượn – Cơ sở 2 Linh Trung–Thủ Đức  |

**Đối với nguồn tài liệu tại các thư viện ngoài Thư viện Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM**

|         |                                |
|---------|--------------------------------|
| TVTT    | Thư viện Trung tâm             |
| TVKHTH  | Thư viện Khoa học Tổng hợp     |
| TVĐHM   | Thư viện Đại học Mở            |
| VTNMT   | Viện Tài nguyên Môi trường     |
| TVĐHKTL | TVĐHKTL Đại học Kinh tế - Luật |
| TVĐHBK  | TVĐHBK Đại học Bách Khoa       |
| TVĐHQT  | TVĐHQT Đại học Quốc tế         |